TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 421/2018/HC-PT
Ngày: 26/9/2018
Về việc "khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;
Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Tuân;
Ông Mai Anh Tài.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Lê Thị Thu Hà, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 175/2017/TLPT-HC ngày 09 tháng 10 năm 2017 về việc "Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực đất đai", do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2017/HCST ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6172/QĐ-PT ngày 11 tháng 9 năm 2018 giữa:

1. Người khởi kiện: Bà Chu Thị L, sinh năm 1948;
Trú tại: Khối 10, thị trấn H, huyện N, tỉnh Nghệ An;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Chu Thị L: Luật sư Trần Quốc T - Văn phòng luật sư V thuộc Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An, có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) huyện N, tỉnh Nghệ An;

Địa chỉ: Trụ sở UBND huyện N, tỉnh Nghệ An;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Phú H1 - Chủ tịch UBND huyện N, ủy quyền cho ông Lê Phạm H2 - Phó Chủ tịch UBND huyện N (Theo Văn bản ủy quyền ngày 26/01/2018), vắng mặt; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chủ tịch UBND thị trấn H, huyện N, tỉnh Nghệ An;

Địa chỉ: Trụ sở UBND thị trấn H, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Huy V1 - Chủ tịch UBND thị trấn H, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo trình bày của người khởi kiện bà Chu Thị L: Năm 1991, UBND thị trấn T1 có chủ trương bán đất cho dân, bà L có đơn xin mua đất làm ki ốt dịch vụ tại trục đường 49 cũ (nay là quốc lộ 46); đơn xin mua đất có xác nhận của Trưởng phòng CN-XDCB-GTVT là ông Trịnh Bá G và Phó chủ tịch UBND huyện N là ông Hà Huy Thông. UBND thị trấn T1 bán cho bà L một thửa đất cạnh cổng tiêu nước trên trục đường 49, có diện tích khoảng 100m^2, với số tiền 850.000 đồng. Bà L nộp tiền cho ông Nguyễn Công C (cán bộ địa chính) số tiền 850.000 đồng (đợt 1 ngày 31/01/1992 là 500.000 đồng, đợt hai ngày 04/4/1992 là 350.000 đồng), khi nhận tiền thì ông C viết giấy nhận tiền; bà L chưa rút lại số tiền 850.000 đồng đã nộp. Bà L được ông G, ông Long (phòng CN-XD huyện), ông C1 (Chủ tịch UBND thị trấn) và ông C ra chỉ vị trí thửa đất, nhưng không lập biên bản giao đất và giấy tờ khác. Sau khi nhận đất gia đình bà L đã đổ đất san lấp và dựng một ngôi nhà, nhưng thời điểm đó do nhân dân xã Đ và xã T2 biểu tình tranh chấp đất đai nên một số cán bộ huyện và thị trấn T1 vận động bà L dỡ nhà, không được làm nhà ở trên thửa đất đã mua; vì vậy, bà L không sử dụng thửa đất đó.

Ngày 04/8/2015, bà L làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD) gửi UBND thị trấn H (gửi qua đường bưu điện) đề nghị UBND thị trấn xác nhận. Ngày 03/9/2015, bà L nhận được Văn bản số 28/UBND ngày 31/8/2015 của UBND thị trấn H cho rằng UBND thị trấn H không giao đất và không cấp GCNQSD đất.

Ngày 03/9/2015, bà L làm đơn khiếu nại Văn bản số 28/UBND ngày 31/8/2015 của UBND thị trấn H.

Ngày 05/10/2015, Chủ tịch UBND thị trấn H ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 151/QĐ-CT, nội dung: Không thực hiện việc xác nhận hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền cấp GCNQSD đất tại khu vực phía Bắc đường 49 cũ (nay là quốc lộ 46) cho bà Chu Thị L. Tiếp tục thực hiện Văn bản số 28/UBND ngày 31/8/2015 của UBND thị trấn H về trả lời đơn kiến nghị UBND thị trấn H giao đất, cấp GCNQSD đất tại khu vực phía Bắc đường 49 cũ (nay là quốc lộ 46) cho bà Chu Thị L (BL 34).

Ngày 08/10/2015, bà L làm đơn khiếu nại đến UBND huyện N.

Ngày 29/12/2015, Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1260/QD-UBND ngày 29/12/2015, nội dung:

V. Kết luận:

…. Căn cứ quy định của Luật đất đai năm 2013 thì bà L không đủ điều kiện được cấp GCNQSD đất, bởi vì bà L đã nộp tiền mua đất cho UBND thị trấn T1, nhưng sau đó đã rút lại số tiền 850.000 đồng đã nộp; không có các giấy tờ thể hiện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất; từ trước đến nay bà L không sử dụng thửa đất này; thửa đất bà đề nghị xác nhận hồ sơ để cấp GCNQSD đất thuộc quy hoạch xây dựng Quảng trường X, không thuộc quy hoạch giao đất ở hoặc đất làm ốt dịch vụ cho hộ gia đình, cá nhân.

.....

Quyết định:

Điều 1: Giải quyết các nội dung khiếu nại (lần 2) của bà Chu Thị L, công dân khối 10 thị trấn H, huyện N, tỉnh Nghệ An như sau:

1. Công nhận và giữ nguyên kết quả giải quyết tại Quyết định số 151/QĐ-CT ngày 05/10/2015 của Chủ tịch UBND thị trấn H.

2. Nội dung khiếu nại Chủ tịch UBND thị trấn H không ký xác nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất khu vực phía Bắc đường 49 (nay là Quốc lộ 46) là khiếu nại sai, bởi vì: bà L đã nộp tiền mua đất cho UBND thị trấn T1, nhưng sau đó đã rút lại số tiền 850.000 đồng đã nộp; không có các giấy tờ thể hiện được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất; từ trước đến nay bà L không sử dụng thửa đất này; thửa đất này không thuộc quy hoạch giao đất ở hoặc đất làm ki ốt dịch vụ cho hộ gia đình, cá nhân.

Ngày 14/10/2016, bà Chu Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An: Hủy bỏ một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 1260/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Nghệ An, cụ thể hủy bỏ phần V và khoản 1, khoản 2 Điều 1 phần Quyết định; buộc UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L tại thửa đất khác nếu thửa đất đã giao cho bà trước đây nằm trong quy hoạch hoặc bồi thường bằng tiền (BL 28).

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2017/HCST ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, quyết định:

Căn cứ Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 7 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 100; Điều 204 Luật đất đai năm 2013; Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đất đai; khoản 1 Điều 8 Thông tư 24/2014-BTNMT ngày

19/5/2014; khoản 1 Điều 22 Quyết định số 49/2014/QĐ-UBND ngày 19/8/2014 của UBND tỉnh Nghệ An.

Xử: Chấp nhận một phần nội dung khởi kiện của bà Chu Thị L về việc yêu cầu hủy phần V Kết luận và nội dung khoản 2 Điều 1 Quyết định số 1260/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Nghệ An, về việc giải quyết khiếu nại của bà Chu Thị L (lần hai), cụ thể hủy nội dung kết luận "Bà L đã nộp tiền mua đất cho UBND thị trấn T1 (thông qua ông Nguyễn Công C) số tiền 850.000 đồng, sau đó bà L đã rút số tiền đã nộp" (dòng 5, 6 từ trên xuống trang 7 của Quyết định số 1260/QĐ- UBND) và nội dung Quyết định: "Bà L đã nộp tiền mua đất cho UBND thị trấn T1, nhưng sau đó đã rút lại số tiền 850.000 đồng đã nộp"(dòng 7, 8 từ trên xuống trang 8 của Quyết định số 1260/QĐ-UBND).

Giữ nguyên các nội dung khác của Quyết định số 1260/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Nghệ An và Quyết định số 151/QĐCT ngày 05/10/2015 của Chủ tịch UBND thị trấn H, huyện N, tỉnh Nghệ An về việc giải quyết khiếu nại không phê duyệt chứng nhận hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Chu Thị L.

Buộc cơ quan Nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan Nhà nước thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật.

Bà Chu Thị L được quyền khởi kiện vụ án dân sự về việc bà nộp tiền đất cho UBND thị trấn T1 và rút số tiền 850.000 đồng theo quy định luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/8/2017, bà Chu Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ngày 25/8/2017, bà L có đơn kháng cáo bổ sung nội dung đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L có ý kiến: Bản án hành chính sơ thẩm có nhiều sai sót và đánh giá chứng cứ không khách quan; Bản án sơ thẩm thừa nhận bà L đã nộp tiền vào quỹ, như vậy việc đấu thầu đất của bà L đã hoàn thành. UBND thị trấn T1 đã giao 100m^2 đất cho bà L. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định UBND thị trấn H chưa bao giờ tổ chức đấu thầu đất là không đúng, các tài liệu do bà L cung cấp đều thể hiện có việc đấu thầu đất và bà L đã trúng thầu; bà L đã làm các thủ tục để được cấp đất trúng thầu; bà L phải được cấp vị trí đất khác. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu cấp GCNQSD đất của bà L là không có căn cứ chấp nhận. Việc bà L tham gia đấu thầu đất đã được bản án sơ thẩm giành quyền khởi kiện vụ án dân sự cho bà L. Bà L cho rằng nếu không cấp vị trí đất cũ đã trúng thầu, thì phải cấp vị trí đất khác là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của bà L, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày của người khởi kiện, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1]. Về tố tụng:

Tại đơn khởi kiện, bà L yêu cầu huỷ bỏ một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 1260/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện N và buộc UBND huyện N cấp GCNQSD đất cho bà L tại thửa đất khác, nếu thửa đất đã giao nằm trong quy hoạch hoặc bồi thường bằng tiền.

Tại phiên họp đối thoại, bà L yêu cầu hủy bỏ Quyết định giải quyết khiếu nại số 151/QĐ-CT ngày 05/10/2015 của Chủ tịch UBND thị trấn H. Theo quy định tại Điều 116 Luật tố tụng hành chính thì thời hiệu khởi kiện đối với Quyết định số 151/QĐ-CT ngày 05/10/2015 đã hết, nên được xem xét là quyết định hành chính có liên quan và thuộc thẩm quyền xem xét của Hội đồng xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 193 Luật tố tụng hành chính.

Quyết định số 1260/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện N là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai và yêu cầu cấp GCNQSD đất là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính nên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại Điều 30, Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Quyết định số 1260/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện N ban hành ngày 29/12/2015; ngày 14/10/2016, bà Chu Thị L có đơn khởi kiện Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý đảm bảo về thời hiệu theo quy định tại Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 1260/QĐ-UBND ngày 29/12/2015:

[2.1.1]. Về thẩm quyền: Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 1260/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 giải quyết khiếu nại đảm bảo theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều 18 Luật khiếu nại.

[2.1.2]. Về nội dung:

Bà L cho rằng năm 1991, UBND thị trấn T1 bán cho bà L diện tích khoảng 100m^2 đất cạnh cống tiêu nước trên trục đường 49 cũ, với số tiền 850.000 đồng. Bà L đã nhận đất, đổ đất san lấp và dựng một ngôi nhà trên thửa đất đó, nhưng thời điểm đó do nhân dân xã Đ và xã T2 biểu tình tranh chấp đất đai nên một số cán bộ huyện và thị trấn T1 vận động bà L dỡ nhà, chưa được làm nhà ở trên đất; cho nên từ đó đến nay bà L không sử dụng đất.

Ngày 05/8/2015, UBND thị trấn huyện N nhận được đơn kiến nghị, kèm theo hồ sơ xin cấp GCNQSD đất của bà L. Hồ sơ gồm có: Đơn kiến nghị đề ngày 04/8/2015; Đơn đăng ký cấp GCNQSD đất; các bản phô tô đơn xin đất làm nhà ở kiêm dịch vụ, 02 giấy nhận tiền, 01 quyết định về việc giao đất của UBND huyện N không có số, chữ ký và con dấu.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì đề nghị của bà L là không có sở giải quyết vì hồ sơ bà L cung cấp chưa có giấy tờ thể hiện thửa đất đã được UBND huyện N ban hành quyết định giao đất; không có chứng từ thu tiền nộp vào ngân sách Nhà nước; từ trước đến nay bà L không sử dụng thửa đất này, hồ sơ địa chính đang quản lý không thể hiện bà L là chủ sử dụng đất; hiện thửa đất bà L yêu cầu xác nhận để cấp GCNQSD đất đã được quy hoạch dự án Quảng trường X; không quy hoạch xây dựng khu dân cư. Căn cứ Điều 100 Luật đất đai năm 2013; Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Thông tư số 24 ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và khoản 1 Điều 22 Quyết định số 49/2014/QĐ-UBND ngày 19/8/2014 của UBND tỉnh Nghệ An thì hồ sơ bà L không đủ điều kiện để làm thủ tục cấp GCNQSD đất. Do đó, tại Quyết định số 151/QĐ-CT ngày 05/10/2015 Chủ tịch UBND thị trấn H đã quyết định: Không thực hiện việc xác nhận hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền cấp GCNQSD đất tại khu vực phía Bắc đường 49 cũ (nay là quốc lộ 46) cho bà L và tại Quyết định số 1260/QĐ-UBND ngày 29/12/2015, Chủ tịch UBND huyện N đã quyết định công nhận và giữ nguyên kết quả giải quyết tại Quyết định số 151/QĐ-CT ngày 05/10/2015 của Chủ tịch UBND thị trấn H là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu của bà L là đúng pháp luật.

Tuy nhiên, xét phần kết luận và Quyết định số 1260/QĐ-UBND có nội dung: "Bà L đã nộp tiền mua đất cho UBND thị trấn T1 nhưng sau đó đã rút lại số tiền 850.000đồng đã nộp" thấy rằng:

Các tài liệu hồ sơ bà L cung cấp và kết quả xác minh của UBND huyện N thể hiện: ông Nguyễn Công C - nguyên cán bộ địa chính UBND thị trấn T1 giai đoạn 1990-1993 có thừa nhận đã nhận của bà L số tiền 850.000 đồng và đã nộp cho UBND thị trấn T1; bà Cao Thị Y - nguyên thủ quỹ UBND thị trấn T1 cũng thừa nhận bà L đã nộp quỹ UBND thị trấn T1 số tiền 850.000 đồng; tại sổ quỹ do bà Cao Thị Y cung cấp thể hiện số tiền đã thu của bà L theo Phiếu thu số 11 ngày 16/4/1992 số tiền 850.000 đồng và Phiếu chi số 138 ngày 29/12/1992 số tiền 850.000 đồng; các chứng cứ là 02 giấy nhận tiền của ông C (ngày 31/01/1992 và 04/4/1992) với số tiền 850.000 đồng phù hợp với thời gian nhập quỹ và số tiền nộp (ngày thu 10/4 và số tiền 850.000 đồng).

Chứng cứ để xác định bà L đã rút lại số tiền mua đất 850.000 đồng đã nộp là số quỹ cá nhân do bà Cao Thị Y tự ghi chép mà không phải là chứng từ kế toán được lập theo quy định, không được lưu trữ tại UBND thị trấn H và do bà Y cung cấp mà không phải là UBND thị trấn H cung cấp; những phản ánh số liệu thể hiện trong cuốn sổ cũng không có đối chiếu, xác nhận, đóng dấu của UBND thị trấn T1. Do đó, nội dung cuốn sổ phản ánh tại Phiếu chi 138 ngày 29/12/1992 chị Lan cán bộ huyện rút lại tiền đất khu xăng dầu chưa phải là chứng cứ xác định bà L đã rút tiền mua đất. Mặt khác, ngoài nội dung ghi trong cuốn sổ tay cá nhân do bà Y cung cấp thì hồ sơ không có bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào thể hiện bà L đã ký nhận rút số tiền 850.000 đồng tại UBND thị trấn T1 và bà L không thừa nhận đã rút số tiền này.

Mặc dù Toà án cấp sơ thẩm đã có yêu cầu cung cấp chứng cứ là các phiếu thu và phiếu chi hoặc các tài liệu để chứng minh nhưng các đương sự không cung cấp được. Đại diện của UBND thị trấn huyện N có ý kiến cho rằng: UBND thị trấn H không tiếp nhận nội dung bà L yêu cầu xem xét về việc nộp tiền; chứng từ kế toán đã được tiêu huỷ sau 10 năm theo Luật kế toán 2003 nên không có chứng từ về việc thu nộp tiền.

Từ đó thấy rằng tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 1260/QĐ-UBND quyết định: Khiếu nại của bà L là khiếu nại sai vì bà L đã nộp tiền mua đất cho UBND thị trấn T1 nhưng sau đó đã rút lại số tiền 850.000 đồng đã nộp là chưa đủ căn cứ.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị L, hủy một phần mục V và một phần khoản 2 Điều 1 Quyết định số 1260/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện N về nội dung: "Bà

L đã nộp tiền mua đất cho UBND thị trấn T1 nhưng sau đó đã rút lại số tiền 850.000đ đã nộp" là có cơ sở chấp nhận.

[2.2]. Yêu cầu buộc UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L tại thửa đất khác nếu thửa đất đã giao cho bà trước đây nằm trong quy hoạch hoặc bồi thường bằng tiền.

Đối với yêu cầu buộc UBND huyện N cấp GCNQSD đất hoặc bồi thường bằng tiền đối với số tiền 850.000 đồng mà bà L đã nộp tại UBND thị trấn H thấy rằng: do chưa đủ căn cứ để xác định trách nhiệm dân sự đối với số tiền nêu trên nên Tòa án cấp sơ thẩm đã giành quyền cho bà L được khởi kiện vụ án dân sự theo quy định của Luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[3]. Yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà Chu Thị L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm và đối trừ trong số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

1. Bác kháng cáo của bà Chu Thị L. Giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2017/ST-HC ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An, cụ thể:

Căn cứ Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 7 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 100; Điều 204 Luật đất đai năm 2013; Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật đất đai; khoản 1 Điều 8 Thông tư số 24/2014-BTNMT ngày 19/5/2014; khoản 1 Điều 22 Quyết định số 49/2014/QĐ-UBND ngày 19/8/2014 của UBND tỉnh Nghệ An.

Xử:

1. Chấp nhận một phần nội dung khởi kiện của bà Chu Thị L về việc yêu cầu hủy phần V Kết luận và nội dung khoản 2 Điều 1 Quyết định số 1260/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Nghệ An về việc giải quyết khiếu nại của bà Chu Thị L (lần hai), cụ thể hủy nội dung kết luận "Bà L đã nộp tiền mua đất cho UBND thị trấn T1 (thông qua ông Nguyễn Công C) số tiền 850.000 đồng, sau đó bà L đã rút số tiền đã nộp" (dòng 5, 6 từ trên xuống trang 7 của Quyết định số 1260/QĐ-UBND) và nội dung Quyết định: "Bà L đã nộp tiền

mua đất cho UBND thị trấn T1, nhưng sau đó đã rút lại số tiền 850.000 đồng đã nộp" (dòng 7, 8 từ trên xuống trang 8 của Quyết định số 1260/QĐ-UBND).

2. Giữ nguyên các nội dung khác của Quyết định số 1260/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Nghệ An và Quyết định số 151/QĐCT ngày 05/10/2015 của Chủ tịch UBND thị trấn H, huyện N, tỉnh Nghệ An về việc giải quyết khiếu nại không phê duyệt chứng nhận hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Chu Thị L.

3. Buộc cơ quan Nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan Nhà nước thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật.

4. Bà Chu Thị L được quyền khởi kiện vụ án dân sự về việc bà nộp tiền đất cho UBND thị trấn T1 và rút số tiền 850.000 đồng theo quy định luật tố tụng dân sự.

5. Án phí: Bà Chu Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm được trừ vào khoản tiền đã nộp tại Biên lai số AA/2012/0006653 ngày 15/8/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tuân **Mai Anh Tài** **Lê Thị Thúy Bình**

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THA dân sự tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự (theo địa chỉ).
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Bình